TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2023/HS - ST
Ngày: 18-8-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khương Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Minh Trí;

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Phương Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 118/2023/HSST ngày 06 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2023/QĐXXST–HS ngày 03/8/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn N,** sinh năm 1997, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 6/3C (số mới 738/1/2) đường Kha Vạn Cân, Tổ 3, Khu phố 5, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Tổ 47, Khu phố 4, phường T, thành phố T1, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N1, sinh năm 1960 và bà (không rõ nhân thân, lai lịch); bị cáo không có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/12/2011, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một ra quyết định đưa vào trường Giáo dưỡng số 4 theo Quyết định số 01/QĐ-UBND trong thời hạn 24 tháng (chấp hành xong ngày 30/9/2013); Ngày 28/4/2017, bị Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù, về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" (chấp hành xong ngày 27/7/2017). Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/3/2023 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Lê Minh T, sinh năm 1999; địa chỉ: Số 18/12, tổ 12, khu 2, phường T2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 13/3/2022, Lê Văn N đến nhà anh Lê Minh T tại số 18/12, tổ 12, khu phố 2, phường T2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương để uống rượu cùng với anh T, anh Lê Đăng C và anh Nguyễn Phương K. Đến khoảng 03 giờ ngày 14/3/2022, anh K và anh C đi về nhà ngủ còn N ngủ lại tại phòng khách của nhà anh T. Lúc này, anh T đi vào phòng ngủ và đem theo chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu đen, dung lượng 64GB để truy cập vào trang mạng xã hội được một lúc thì anh T ngủ. Đến khoảng 07 giờ ngày 14/3/2022, N thức dậy đi vào trong phòng ngủ thì nhìn thấy anh T đang nằm ngủ, trên nền đất có để 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu đen, dung lượng 64GB nên N đi đến và dùng tay phải lấy trộm chiếc điện thoại di động trên bỏ vào túi quần rồi đi về nhà của N tại khu phố 4, phường T, thành phố T1, tỉnh Bình Dương. Sau đó, N đăng hình chiếc điện thoại đi động lên trên mạng xã hội để rao bán thì có một người nam thanh niên (hiện chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua chiếc điện thoại di động với giá 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng, N đồng ý và chỉ đường cho người nam thanh niên đến nhà của N để lấy điện thoại và giao tiền. Sau khi bán được điện thoại, N sử dụng số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng để tiêu xài cá nhân hết rồi bỏ trốn. Đối với anh Lê Minh T, đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày 14/3/2022, anh T ngủ dậy và phát hiện chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax của anh T đã bị mất, còn N đã bỏ về từ lúc nào không rõ. Liền đó, anh T gọi điện thoại liên lạc với N để hỏi về chiếc điện thoại di động nêu trên nhưng anh T không liên lạc được. Do nghi ngờ N là người đã lấy trộm chiếc điện thoại di động trên của anh T nên anh T đã đến Công an phường T2 trình báo sự việc. Quá trình xác minh và điều tra, N đã bỏ trốn nên ngày 23/11/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định truy nã, đến ngày 26/3/2023 thì N bị bắt.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 99/KLTS-TTHS ngày 31/3/2022 của Hội đồng Định giá thường xuyên tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu đen, dung lượng 64GB (không thu hồi được) trị giá 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu đen, dung lượng 64GB do không thu hồi được, trong quá trình điều tra anh T yêu cầu N bồi thường cho anh T số tiền 17.500.000 (mười bảy triệu năm trăm nghìn) đồng là số tiền anh T bỏ ra để mua chiếc điện thoại trên.

Đối với người nam thanh niên mua điện thoại của Lê Văn N, do quá trình điều tra N đều khai nhận không biết rõ nhân thân, lai lịch của người nam thanh niên trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một sẽ tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Cáo trạng số 113/CT-VKSTDM ngày 03/7/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Lê Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo N là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lê Văn N mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại Lê Minh T trình bày: Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu đen, dung lượng 64GB do không thu hồi được, trong quá trình điều tra bị hại yêu cầu bị cáo N bồi thường cho bị hại số tiền 17.500.000 (mười bảy triệu năm trăm nghìn) đồng. Vì là bạn bè với nhau nên nay bị hại thay đổi mức yêu cầu bồi thường thiệt hại, chỉ yêu cầu bị cáo N bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng. Về mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo thì bị hại không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Lê Văn N trình bày: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm sát. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại T với số tiền là 5.000.000 (năm triệu) đồng theo yêu cầu của bị hại. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 14/3/2022, tại nhà của bị hại Lê Minh T, địa chỉ tại số 18/12, tổ 12, khu phố 2, phường T2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu đen, dung lượng 64GB trị giá 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng của bị hại T và bỏ trốn đến ngày 26/3/2023 thì bị bắt theo Lệnh truy nã. Do đó, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ

luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì để có tiền tiêu xài, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét thấy, tình hình tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương ngày càng gia tăng về số lượng và tính chất ngày càng phức tạp. Ngoài ra, bị cáo N có nhân thân xấu, từng bị đưa vào trường giáo dưỡng do thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, từng bị Tòa án xét xử về tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có, nhưng bị cáo không biết tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân để trở thành người công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội liên quan đến xâm phạm quyền sở hữu của người khác. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo để đảm bảo tính giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Căn cứ nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy tại phiên tòa, bị hại T yêu cầu bị cáo N bồi thường thiệt hại với số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng. Bị cáo tự nguyện chấp nhận bồi thường thiệt hại theo yêu cầu nêu trên của bị hại. Xét thấy, việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại nêu trên giữa bị hại và bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Không.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2/ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/3/2023.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lê Văn N bồi thường cho bị hại Lê Minh T số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không.

5/ Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khương Minh Trí